

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

☆☆☆

HỢP ĐỒNG CHO VAY

Số: 327/2022/HDCV-UT/CMB

Hôm nay, ngày ...21../...10/ 2022, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, Các Bên gồm:

▪ Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

- Mã số doanh nghiệp: 0100233583 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993 và các chứng nhận đăng ký thay đổi
- Địa chỉ trụ sở: 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
- Điện thoại : **GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN KINH DOANH & QUẢN LÝ TÀI DUNG**
- Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà: **Đỗ Kim Ngọc** Chức vụ:.....

Sau đây gọi là Bên Ngân Hàng,

▪ Bên Vay: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG – THƯƠNG MẠI – DỊCH VỤ HÀ THUẬN HÙNG

- Địa chỉ trụ sở: 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Mã số doanh nghiệp: 0304907463 tại Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM, đăng ký lần đầu ngày 09/04/2007 và các lần thay đổi sau
- Điện thoại cố định: - Fax:
- Đại diện: Ông/Bà **Hà Hữu Hương** Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Sau đây gọi là Bên Vay,

▪ Bên Nhận Ủy Thác Cho Vay: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI TNHH MTV DẦU KHÍ TOÀN CẦU – CHI NHÁNH HÀ NỘI

- Mã số chi nhánh: 2700113651 - 012 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở kế hoạch đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/05/2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 29/04/2021
- Địa chỉ: Tầng 1, tầng 2 và một phần diện tích tầng 5 số 180 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
- Điện thoại: Fax:.....
- Do bà: **Đặng Thị Thu Hồng** Chức vụ: Phó giám đốc làm đại diện
- Theo Giấy ủy quyền số: **40/2022/UVQ-TĐD** ngày **21/10/2022** của **Tổng giám đốc G.P Bank**

“Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – Chi nhánh Hà Nội hoạt động theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, Giấy ĐKDN số

2700113651 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 09 năm 2022.

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội”

Sau đây gọi là **Bên Nhận Ủy Thác**,

Tại Hợp Đồng này:

- Bên Ngân Hàng và Bên Vay sau đây còn gọi chung là “Hai Bên”; và
- Bên Ngân Hàng và Bên Vay và Bên Nhận Ủy Thác Cho Vay sau đây gọi chung là “Các Bên”

Xét Rằng:

- (i) Bên Ngân Hàng và Bên Nhận Ủy Thác đã ký kết Hợp Đồng Ủy Thác Cho Vay ngày ... tháng năm 2022 (“Hợp Đồng Ủy Thác”);
- (ii) Căn cứ theo Hợp Đồng Ủy Thác, Bên Ngân Hàng đồng ý ủy thác, giao vốn bằng tiền cho Bên Nhận Ủy Thác để Bên Nhận Ủy Thác giải ngân cho Bên Vay;
- (iii) Căn cứ nhu cầu của Các Bên;

Nay, Các Bên đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Hợp đồng cho vay (“Hợp Đồng”) này với các nội dung như sau:

Điều 1. Số Tiền Cho Vay, Mục Đích Sử Dụng Vốn Vay, Đồng Tiền Và Thời Hạn Cho Vay, Điều Kiện, Phương Thức Giải Ngân Và Phương Thức Cho Vay

1. Số tiền cho vay: Tối đa 1,405,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm linh năm tỷ Việt Nam đồng).
2. Thời hạn cho vay: Tối đa 48 tháng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tháng), tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân Hàng/ Bên Nhận Ủy Thác giải ngân vốn vay đầu tiên cho Bên Vay hoặc đến ngày 03/10/2026, tùy thời điểm nào đến trước.
3. Mục đích sử dụng vốn vay: Tài trợ thanh toán khoản đảm bảo để thực hiện Hợp đồng dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền sản phẩm Dự án GSW số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/HAAN-HTH giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An (Mã số doanh nghiệp số 3702642596 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 23/02/2018 và các lần thay đổi) và Bên Vay, Bên Vay có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên Ngân Hàng về mục đích sử dụng vốn vay của mình.
4. Điều kiện và phương thức giải ngân:
 - a) Điều kiện giải ngân: Trừ trường hợp Bên Ngân Hàng có chấp thuận khác, Bên Ngân Hàng chỉ giải ngân/ chi định Bên Nhận Ủy Thác giải ngân khi Bên Vay và Bên liên quan

(nếu có):

- (i) Đã hoàn tất hồ sơ, điều kiện giải ngân, các thủ tục về tài sản bảo đảm, hoàn tất việc mua bảo hiểm và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định và yêu cầu của Bên Ngân Hàng;
- (ii) Không xảy ra các trường hợp Bên Vay bị chấm dứt cho vay, ngừng giải ngân, thu hồi nợ trước hạn theo quy định của Hợp Đồng này;
- (iii) Bên Vay rút vốn trong thời hạn giải ngân theo thỏa thuận với Bên Ngân Hàng (nếu có);
- (iv) Đáp ứng đầy đủ các điều kiện về môi trường và xã hội theo quy định tại Hợp Đồng này;
- (v) Điều kiện giải ngân:
 - Tỷ lệ vốn tự có: Vốn tự có tham gia trước hoặc song song với vốn vay tối thiểu 20% từng đợt thanh toán/ giá trị Hợp đồng dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền sản phẩm Dự án GSW số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/HAAN-HTH giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An (Mã số doanh nghiệp số 3702642596 do Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương cấp đăng ký lần đầu ngày 23/02/2018 và các lần thay đổi) và Bên Vay;
 - Phương thức giải ngân: Chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An tại VPBank;
 - Chứng từ giải ngân: Bên Vay cung cấp cho VPBank các chứng từ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, bao gồm nhưng không giới hạn các chứng từ như sau:
 - Hợp đồng số 001/2020/HDDV/HAAN-DXS ngày 20/03/2020 ký giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An và Công ty CP Dịch Vụ Bất Động Sản Đất Xanh (ĐKKD số 3602545493 do Sở KH&ĐT TP HCM cấp đăng ký lần đầu ngày 21/07/2011 và các lần thay đổi) và Phụ lục giảm trừ 874 sản phẩm thuộc Dự án GSW (bản sao y);
 - Hợp đồng dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/ HAAN-HTH (bản sao y);
 - Giấy đề nghị thanh toán khoản đảm bảo theo Hợp đồng dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/ HAAN-HTH (nếu có) (bản gốc);
 - UNC thanh toán tiền vốn tự có (bản sao y).

Không phụ thuộc vào các thỏa thuận nêu trên, Bên Ngân Hàng có quyền từ chối giải ngân/ không chỉ định cho Bên Nhận Ủy Thác giải ngân trong trường hợp quy định của pháp luật không cho phép giải ngân và/hoặc do điều kiện thực tế của Bên Ngân Hàng không thể giải ngân.

- b) Bên Nhận Ủy Thác chỉ thực hiện giải ngân theo chỉ định của Bên Ngân Hàng và trong

phạm vi số vốn ủy thác mà Bên Ngân Hàng chuyển cho Bên Nhận Ủy Thác để giải ngân cho Bên Vay.

c) Bên Nhận Ủy Thác chỉ chuyển tiền giải ngân khi nhận được đủ vốn ủy thác tương ứng với mỗi lần giải ngân do Bên Ngân Hàng chuyển vào tài khoản của Bên Nhận Ủy thác và các chứng từ, thông báo của Bên Ngân Hàng theo thỏa thuận tại Hợp Đồng Ủy Thác.

d) Bên Ngân Hàng/ Bên Nhận Ủy Thác giải ngân cho Bên Vay theo phương thức:

☐ Giải ngân một lần ☐ Giải ngân nhiều lần

☐ Bằng tiền mặt ☐ Chuyển khoản vào tài khoản của Bên Vay

☒ Chuyển khoản vào tài khoản của Bên thụ hưởng.

e) Thủ tục nhận giải ngân:

(i) Mỗi lần có nhu cầu được giải ngân, Bên Vay phải báo trước cho Bên Ngân Hàng ít nhất 05 ngày làm việc và gửi kèm theo các giấy tờ chứng minh mục đích sử dụng vốn vay, đồng thời ký Khế ước nhận nợ và các chứng từ liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng.

(ii) Bên Vay chỉ được rút vốn vay trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày 29/08/2022, sau thời hạn này Bên Vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân Hàng chấp thuận.

(iii) Bên Vay phải rút vốn vay lần đầu trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày 12/10/2022, sau thời hạn này, Bên Vay chỉ được rút vốn nếu được Bên Ngân Hàng chấp thuận. Trường hợp Bên Vay không rút vốn trong thời hạn nêu trên hoặc Bên Vay rút vốn sau thời hạn nêu trên và được Bên Ngân Hàng chấp thuận, Bên Vay phải thanh toán phí cam kết rút vốn theo quy định tại Khoản 6, Điều 2 Hợp Đồng này.

5. Phương thức cho vay:

☒ Cho vay từng lần ☐ Phương thức cho vay khác:

6. Thỏa thuận khác:

(i) Bằng việc ký Hợp Đồng này, Bên Vay đồng ý sẽ thực hiện theo mẫu đánh giá và kiểm soát rủi ro môi trường và xã hội theo quy định của Bên Ngân Hàng từng thời kỳ, đồng thời cam kết tuân thủ đầy đủ thỏa thuận liên quan tới môi trường và xã hội quy định tại Hợp Đồng này và các tài liệu liên quan ký kết với Bên Ngân Hàng.

(ii) Các Bên tại đây thống nhất và làm rõ rằng:

- Mọi nghĩa vụ, cam kết của Bên Vay theo Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ và các văn bản khác có liên quan được hiểu là nghĩa vụ, cam kết của Bên Vay đối với Bên Ngân Hàng.

- Việc chấm dứt Hợp Đồng Ủy Thác hoặc hết Thời hạn ủy thác theo quy định tại Hợp Đồng Ủy Thác không làm ảnh hưởng đến hiệu lực và việc đã thực hiện/ tiếp tục thực hiện nội dung của Bên Vay đối với Bên Ngân Hàng theo Hợp Đồng này, Khế ước nhận và các văn bản khác có liên quan đến khoản vay của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng.

- Trong suốt thời hạn cho vay theo Hợp Đồng này, Bên Ngân Hàng được toàn quyền quyết định tự mình giải ngân cho Bên Vay hoặc ủy thác cho Bên Nhận Ủy Thác thực hiện giải ngân cho Bên Vay. Việc Bên Ngân Hàng tự mình giải ngân hoặc ủy thác cho Bên Nhận Ủy Thác thực hiện giải ngân cho Bên Vay không làm ảnh hưởng tới bất kỳ quyền và nghĩa vụ nào của Bên Ngân Hàng, Bên Vay theo quy định tại Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ và các văn bản khác có liên quan.

Điều 2. Lãi Suất Cho Vay, Phí Và Các Chi Phí Khác

1. Lãi suất cho vay trong hạn và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Được Bên Ngân Hàng và Bên Vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên Vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên Vay và Bên Ngân Hàng.
2. Lãi suất cho vay trong hạn áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại thời hạn trả nợ (lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ): Thực hiện theo quy định của Bên Ngân Hàng tại thời điểm cơ cấu lại. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mức lãi suất cho vay áp dụng trong trường hợp cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ.
3. Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.
4. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.
5. Phương pháp tính lãi đối với tiền lãi cho vay trong hạn, tiền lãi quá hạn đối với dư nợ gốc, tiền lãi đối với lãi chậm trả:
 - a) Thời hạn tính lãi và thời điểm xác định số dư để tính lãi: Thời hạn tính lãi được xác định từ ngày Bên Ngân Hàng giải ngân vốn vay đến hết ngày liền kề trước ngày Bên Vay thực tế thanh toán hết toàn bộ dư nợ cho Bên Ngân Hàng. Thời điểm xác định số dư để tính lãi là cuối mỗi ngày trong thời hạn tính lãi.
 - b) Tiền lãi được tính trên cơ sở một năm là 365 ngày. Số tiền lãi Bên Vay phải trả mỗi kỳ được tính theo công thức bằng $(=) \sum (\text{Số dư thực tế nhân (x) Số ngày duy trì số dư thực tế nhân (x) Lãi suất tính lãi}) \text{ chia } (/) 365$, trong đó:
 - (i) Số dư thực tế: Là số dư cuối ngày tính lãi của số dư nợ gốc trong hạn, số dư nợ gốc quá hạn, số dư lãi chậm trả thực tế mà Bên Vay còn phải trả cho Bên Ngân Hàng được sử dụng để tính lãi theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và quy định của pháp luật.
 - (ii) Số ngày duy trì số dư thực tế: Là số ngày mà số dư thực tế cuối mỗi ngày không thay đổi.
 - (iii) Lãi suất tính lãi: Là mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ, lãi suất quá hạn đối với dư nợ gốc, lãi suất chậm trả áp dụng với tiền lãi chậm trả

như được Các Bên thỏa thuận tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan. Lãi suất tính lãi được tính theo tỷ lệ % theo năm với một năm là 365 ngày.

- c) Trường hợp thời hạn tính từ khi Bên Vay nhận giải ngân vốn vay đến khi Bên Vay thanh toán khoản tiền Bên Ngân Hàng đã giải ngân là dưới một ngày, Các Bên thỏa thuận rằng, thời hạn tính lãi và số ngày duy trì số dư thực tế để tính lãi được xác định là 01 (một) ngày, số dư thực tế dùng để tính lãi là số dư cuối ngày trong thời hạn tính lãi hoặc số dư tại thời điểm Bên Vay trả nợ tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước.
6. Phí liên quan đến khoản vay: Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân Hàng các khoản phí sau đây:
- a) Phí trả nợ trước hạn;
 - b) Phí cam kết rút vốn;
 - c) Các khoản phí khác theo quy định của Bên Ngân Hàng phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan.
- Trừ trường hợp Hợp Đồng có quy định khác hoặc Các Bên có thỏa thuận khác, các loại phí, mức phí mà Bên Vay phải thanh toán sẽ thực hiện theo biểu phí được Bên Ngân Hàng niêm yết công khai tại trụ sở các địa điểm kinh doanh và/hoặc trên website (www.vpbank.com.vn) của Bên Ngân Hàng tại thời điểm thu phí. Bên Vay đồng ý và ủy quyền cho Bên Ngân Hàng tự động trích nợ bất kỳ tài khoản nào của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng để thu các khoản phí thuộc nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay theo Hợp Đồng này.
7. Bên Vay đồng ý thanh toán các khoản chi phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan tới việc vay vốn phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng này.

Điều 3. Biện Pháp Bảo Đảm Tiền Vay

1. Để bảo đảm cho việc thực hiện các nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này, Các Bên thống nhất áp dụng các biện pháp bảo đảm sau đây:
- a) Thế chấp bằng Quyền sử dụng đất tọa lạc tại địa chỉ thửa đất: Xã Long Đức, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;
 - b) Thế chấp bằng Khoản phải thu hình thành từ các hợp đồng mua bán/ đặt cọc, cho thuê của Dự án GSW;
 - c) Thế chấp bằng Quyền tài sản gồm tiền hoàn Khoản đảm bảo, phí môi giới và số dư tài khoản bán hàng, số dư tiền gửi mở tại Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng Dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền sản phẩm Dự án GSW số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/ HAAN-HTH giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An và Bên Vay;
 - d) Bảo lãnh của Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An;
 - e) Các biện pháp, tài sản bảo đảm khác theo thỏa thuận giữa Bên Ngân Hàng với Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có).

2. Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm được thỏa thuận cụ thể trong các tài liệu sau đây được ký kết giữa Bên Ngân Hàng với Bên Vay và/hoặc các Bên liên quan:
- Hợp đồng thế chấp số 294/2022/HDTG-QSDD/CMB-01 ký ngày 29/09/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Hợp đồng thế chấp số 294/2022/HDTG/CMB-02 ký ngày 28/09/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Hợp đồng thế chấp số 294/2022/HDTG/CMB-03 ký ngày 28/09/2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - Hợp đồng bảo lãnh số 327/2022/HĐBL ký ngày/...../2022 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có);
 - các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của Hợp Đồng này; và (v) các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên. Các Hợp đồng, văn bản quy định tại Khoản này được gọi chung là “**Hợp đồng bảo đảm**”.
3. Trường hợp Bên Ngân Hàng có yêu cầu về việc mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm, Bên Vay có nghĩa vụ phải thực hiện việc mua bảo hiểm hoặc bảo đảm Bên thứ ba liên quan mua bảo hiểm cho Tài sản bảo đảm theo đúng thời hạn và các điều kiện, yêu cầu của Bên Ngân Hàng. Trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại khoản này, Bên Ngân Hàng được quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời các biện pháp sau đây:
- Mua bảo hiểm cho tài sản bảo đảm và trích bất kỳ tài khoản, tiền gửi nào của Bên Vay mở tại Bên Ngân Hàng để thanh toán tiền phí bảo hiểm, trường hợp tài khoản của Bên Vay không có hoặc không có đủ tiền để thanh toán tiền phí bảo hiểm, Bên Vay phải nhận nợ với bất kỳ số tiền phí bảo hiểm nào đã được Bên Ngân Hàng thanh toán theo các điều kiện nhận nợ (lãi suất, thời hạn) theo thông báo của Bên Ngân Hàng.
 - Tăng lãi suất cho vay đối với khoản vay của Bên Vay.
 - Phạt vi phạm đối với Bên Vay theo quy định của Hợp Đồng này.
 - Dừng giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn đối với toàn bộ khoản vay theo Hợp Đồng này.

Điều 4. Trả Nợ Gốc, Lãi Tiền Vay

- Bên Vay phải thanh toán nợ gốc, tiền lãi của khoản vay cho Bên Ngân Hàng theo đúng thời hạn quy định tại (các) Khế ước nhận nợ được ký kết giữa Các Bên và/hoặc các văn bản liên quan.
- Các Bên cùng thống nhất hiểu rõ rằng việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bất kỳ một Kỳ trả nợ gốc và/hoặc Kỳ trả nợ lãi nào cũng bị coi là vi phạm nghĩa vụ trả nợ và Bên Ngân Hàng có quyền dừng giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi ngay toàn bộ dư nợ còn lại của Bên Vay mà không cần phải chờ đến khi kết thúc thời hạn cho vay nêu tại Khoản 2 Điều 1 của Hợp Đồng này.

3. Trường hợp ngày đến hạn trả nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) trùng vào ngày nghỉ của Bên Ngân Hàng hoặc ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định của pháp luật, thì Bên Vay phải trả nợ vào ngày làm việc liền ngay sau đó và lãi vẫn được tính cho đến ngày Bên Vay thực tế trả nợ.
4. Trường hợp Bên Vay muốn thanh toán nợ cho Bên Ngân Hàng trước thời hạn, Bên Vay phải thông báo trước bằng văn bản cho Bên Ngân Hàng ít nhất 05 ngày làm việc và phải được Bên Ngân Hàng đồng ý, đồng thời phải thanh toán cho Bên Ngân Hàng khoản tiền phí trả nợ trước hạn theo mức do Bên Ngân Hàng thông báo tại thời điểm Bên Vay trả nợ trước hạn. Nếu Bên Vay không đồng ý với mức tiền phí trả nợ trước hạn theo thông báo của Bên Ngân Hàng thì Bên Vay phải trả toàn bộ lãi cho toàn bộ thời hạn cho vay còn lại theo quy định về thực hiện hợp đồng vay có kỳ hạn của Bộ Luật dân sự.
5. Bên Vay vay bằng loại tiền nào thì trả nợ gốc, lãi, các khoản phí và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan bằng loại tiền đó. Trường hợp Bên Ngân Hàng chủ động trích nợ tài khoản của Bên Vay để thu nợ mà tài khoản đó có loại tiền khác với loại tiền vay, Bên Ngân Hàng được quyền thực hiện việc mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên Vay như quy định tại Khoản 6 Điều này để thực hiện thu nợ đúng loại tiền vay.
6. Việc thanh toán các khoản nợ của Bên Vay được thực hiện tại trụ sở các địa điểm kinh doanh của Bên Ngân Hàng. Bên Vay có thể thanh toán nợ vay bằng tiền mặt, chuyển khoản hoặc thông qua các hình thức thu nợ khác do Bên Ngân Hàng triển khai từng thời kỳ. Bên Vay có nghĩa vụ mở tài khoản thanh toán tại Bên Ngân Hàng và bảo đảm rằng tài khoản này có đủ số dư để Bên Ngân Hàng thu nợ khi đến hạn. Bên Ngân Hàng có quyền tự động tạm khóa, trích tài khoản nêu trên hoặc bất kỳ tài khoản nào khác (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên Vay mở tại Bên Ngân Hàng để thu nợ đến hạn hoặc để bảo đảm thu nợ. Nếu các tài khoản của Bên Vay có loại tiền khác với loại tiền vay và Bên Ngân Hàng có đủ nguồn ngoại tệ để mua hoặc bán cho Bên Vay trả nợ, thì Bên Ngân Hàng sẽ tự động mua hoặc bán ngoại tệ cho Bên Vay theo tỷ giá mà Bên Ngân Hàng đang áp dụng tại thời điểm đó để thu nợ. Trong trường hợp này, Bên Ngân Hàng sẽ yêu cầu Bên Vay ký, hoàn thiện các chứng từ mua, bán ngoại tệ theo quy định của Bên Ngân Hàng, trường hợp Bên Vay không thực hiện hoặc từ chối thực hiện, Bên Ngân Hàng có quyền tự động thực hiện việc mua, bán ngoại tệ cho Bên Vay theo quy định tại Hợp Đồng này. Việc Bên Ngân Hàng bán ngoại tệ để Bên Vay trả nợ được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật.
7. Trong trường hợp vì bất kỳ lý do nào, khoản tiền Bên Vay trả nợ cho Bên Ngân Hàng bị khấu trừ, thu hồi một phần hoặc toàn bộ theo lệnh hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền, Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán số tiền bị thu hồi, khấu trừ đó cho Bên Ngân Hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày Bên Ngân Hàng thông báo cho Bên Vay về việc bị khấu trừ, thu hồi đó. Bên Vay chấp nhận việc Bên Ngân Hàng phục hồi lại số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi (ghi nợ lại hoặc coi như Bên Vay chưa thanh toán số nợ tương ứng với số tiền bị khấu trừ, thu hồi).
8. Các Bên thống nhất thỏa thuận về thứ tự thu nợ như sau:
 - a) Đối với khoản vay chưa bị chuyển quá hạn, đối với mọi khoản tiền thu nợ, Bên Ngân

Hàng sẽ thu theo thứ tự ưu tiên như sau và có quyền thay đổi thứ tự ưu tiên đó mà không phụ thuộc vào ý chí của Bên Vay và/hoặc các Bên liên quan: Các khoản chi phí, phí của Bên Ngân Hàng (nếu có), các khoản tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc đến hạn, nợ gốc đến hạn và các khoản liên quan khác.

- b) Đối với khoản vay bị chuyển quá hạn, Bên Ngân Hàng sẽ thực hiện thu theo thứ tự sau: chi phí xử lý tài sản bảo đảm, các khoản phí, chi phí của Bên Ngân Hàng, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại (nếu có), nợ gốc quá hạn, tiền lãi chậm trả trên nợ lãi, tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn và các khoản liên quan khác.

Điều 5. Cơ Cấu Lại Thời Hạn Trả Nợ

1. Trước ngày đến hạn của các Kỳ trả nợ gốc và/hoặc lãi ít nhất là 10 ngày, nếu Bên Vay do gặp khó khăn tạm thời dẫn đến không có khả năng trả nợ đúng hạn, Bên Vay có thể gửi văn bản đề nghị Bên Ngân Hàng xem xét cơ cấu lại thời hạn trả nợ.
2. Bên Ngân Hàng trên cơ sở xem xét khả năng tài chính của mình và kết quả đánh giá khả năng trả nợ của Bên Vay có quyền chấp nhận hoặc không chấp nhận đề nghị cơ cấu lại thời hạn trả nợ của Bên Vay. Nếu Bên Vay được Bên Ngân Hàng đồng ý cho cơ cấu lại thời hạn trả nợ, khoản vay của Bên Vay sẽ được áp dụng mức lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng này. Ngoài việc áp dụng lãi suất cơ cấu thời hạn trả nợ, Bên Vay đồng ý và cam kết tuân thủ đầy đủ các điều kiện theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng và thanh toán mọi khoản phạt, chi phí liên quan tới việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo mức được Bên Ngân Hàng thông báo.
3. Thỏa thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ chỉ có giá trị khi được lập thành văn bản có chữ ký của người có thẩm quyền của Hai Bên.

Điều 6. Nợ Quá Hạn Và Chậm Thanh Toán Tiền Lãi

1. Bên Ngân Hàng được quyền chuyển nợ quá hạn đối với số dư nợ gốc của Bên Vay trong các trường hợp sau:
 - a) Đến thời hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ đã thỏa thuận trong Hợp Đồng này và (các) Khế ước nhận nợ mà Bên Vay không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc và không được Bên Ngân Hàng chấp thuận cơ cấu lại thời hạn trả nợ. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo các Kỳ trả nợ.
 - b) Đến thời hạn trả nợ gốc tiền vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Điều 5 Hợp Đồng này mà Bên Vay vẫn không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc như đã thỏa thuận. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày đến hạn trả nợ gốc theo thỏa thuận về cơ cấu lại thời hạn trả nợ giữa Bên Vay và Bên Ngân Hàng.
 - c) Bên Vay phải trả nợ trước hạn trong các trường hợp thỏa thuận tại Điều 7 của Hợp Đồng này nhưng không trả hoặc trả không đầy đủ dư nợ gốc theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng. Thời điểm quá hạn được tính từ ngày kế tiếp của ngày mà Bên Ngân Hàng yêu cầu Bên Vay phải trả nợ trước hạn.

2. Khoản nợ gốc quá hạn sẽ phải chịu lãi suất quá hạn như quy định tại Khoản 3, Điều 2 Hợp Đồng này kể từ thời điểm quá hạn cho đến khi Bên Vay thanh toán hết nợ gốc quá hạn.
3. Việc Bên Ngân Hàng chuyển nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Điều này không ảnh hưởng đến việc Bên Ngân Hàng thực hiện các quyền khác theo quy định tại Hợp Đồng này. Kể từ thời điểm quá hạn, Bên Ngân Hàng có quyền áp dụng các biện pháp thỏa thuận tại Hợp Đồng này, (các) Hợp đồng bảo đảm và/hoặc các biện pháp theo quy định của pháp luật để xử lý nợ, thu hồi tiền vay.
4. Bên Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay về việc chuyển nợ quá hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng này. Thông báo của Bên Ngân Hàng sẽ bao gồm các nội dung về dư nợ gốc bị quá hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn, các thông tin khác liên quan (nếu có).
5. Trường hợp Bên Vay không trả đúng hạn tiền lãi theo thỏa thuận giữa Hai Bên trong Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các thỏa thuận liên quan, khoản lãi chậm thanh toán sẽ bị Bên Ngân Hàng chuyển nợ quá hạn đồng thời Bên Vay có nghĩa vụ thanh toán cho Bên Ngân Hàng khoản tiền lãi chậm trả theo quy định tại Khoản 4, Điều 2 Hợp Đồng này.

Điều 7. Chấm Dứt Cho Vay, Thu Hồi Nợ Trước Hạn Và Xử Lý Nợ

1. Bên Vay hoàn toàn đồng ý rằng, khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây, Bên Vay sẽ không được Bên Ngân Hàng giải ngân, sẽ bị Bên Ngân Hàng chấm dứt cho vay và phải trả nợ trước hạn cho Bên Ngân Hàng:
 - a) Bên Vay cung cấp thông tin, tài liệu liên quan tới việc vay vốn sai sự thật, không chính xác, không trung thực khi đề nghị vay vốn hoặc trong quá trình vay vốn tại Bên Ngân Hàng;
 - b) Bên Vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí, chi phí và bất kỳ nghĩa vụ tài chính nào khác đối với Bên Ngân Hàng (bao gồm nghĩa vụ trả nợ theo bất kỳ Kỳ trả nợ gốc, Kỳ trả nợ lãi nào) theo thỏa thuận giữa Bên Ngân Hàng và Bên Vay tại Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ và các văn bản thỏa thuận liên quan;
 - c) Bên Vay không rút vốn trong thời hạn (nếu có) được quy định tại Hợp Đồng này, các văn bản có liên quan và/hoặc yêu cầu của Bên Ngân Hàng;
 - d) Bên Vay sử dụng vốn sai mục đích;
 - e) Bên Vay có hành vi không trung thực, trốn tránh, thiếu thiện chí với Bên Ngân Hàng trong quá trình vay vốn, trả nợ; không phối hợp với Bên Ngân Hàng trong quá trình Bên Ngân Hàng kiểm soát sau vay và/hoặc không cung cấp được cho Bên Ngân Hàng các chứng từ, tài liệu phục vụ cho hoạt động kiểm soát sau vay của Bên Ngân Hàng;
 - f) Bên Vay thực hiện thay đổi lớn bộ máy quản trị, điều hành, thay đổi cơ cấu sở hữu hoặc dùng phần lớn tài sản của mình để góp vốn, liên doanh, mua cổ phần; thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi, tạm ngừng kinh doanh, giải thể, phá sản doanh nghiệp.
 - g) Tình hình tài chính, thu nhập, tài sản của Bên Vay giảm sút; phần lớn tài sản của Bên

Vay bị kê biên, phong tỏa, cầm giữ hoặc bị tranh chấp; Người đại diện theo pháp luật, người quản lý của Bên Vay bị liên quan tới vụ án hình sự (bị khởi tố, bắt, truy tố, xét xử, chấp hành hình phạt tù...); Bên Vay liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân Hàng nhận định là có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của Bên Vay cho Bên Ngân Hàng;

- h) Các tài sản bảo đảm tiền vay bị mất, hư hỏng, giảm sút giá trị, bị quy hoạch hoặc liên quan đến các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện mà Bên Ngân Hàng nhận định là có khả năng ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn của Bên Ngân Hàng;
- i) Trường hợp khoản vay được bảo đảm bằng tài sản của Bên thứ ba mà xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - (i) Bên thứ ba là cá nhân bị chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết; bị Tòa án tuyên bố mất tích, bị mất năng lực hành vi, bị khó khăn trong nhận thức và làm chủ hành vi; ly hôn, chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân; bỏ trốn hoặc thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Bên Ngân Hàng;
 - (ii) Bên thứ ba là doanh nghiệp hoặc tổ chức khác thực hiện việc chuyển đổi, chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, giải thể, phá sản; thay đổi địa chỉ trụ sở, địa chỉ liên lạc mà không thông báo cho Bên Ngân Hàng.
- j) Bên Vay phát sinh dư nợ khác quá hạn hoặc dư nợ khác bị thu hồi nợ trước hạn tại Bên Ngân Hàng hoặc tại các tổ chức tín dụng khác;
- k) Bên Vay vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào đối với Bên Ngân Hàng theo Hợp Đồng này;
- l) Bên Vay và/hoặc Bên bảo đảm (là chính Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba khác đã ký Hợp đồng bảo đảm để bảo đảm cho nghĩa vụ của Bên Vay theo Hợp Đồng này) vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo Hợp đồng bảo đảm;
- m) Xảy ra các trường hợp phải xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của Hợp đồng bảo đảm;
- n) Bên Vay không cung cấp, cung cấp không đầy đủ hoặc không đúng thời hạn các chứng từ chứng minh hoặc liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo quy định của Bên Ngân Hàng từng thời kỳ; hoặc Bên Vay không cung cấp cho Bên Ngân Hàng báo cáo thực trạng tài chính trong thời gian vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng;
- o) Bên Vay không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các yêu cầu, chỉ dẫn của Bên Ngân Hàng liên quan đến các công việc nhằm ký kết, thực hiện, duy trì Hợp Đồng này, Hợp đồng bảo đảm như: công chứng, chứng thực, định giá, đăng ký giao dịch bảo đảm, tư vấn xác thực tài sản/giấy tờ, kiểm kê, quản lý tài sản bảo đảm;
- p) Bên Vay/Bên liên quan không thực hiện tái tục Hợp đồng bảo hiểm hoặc đóng phí duy trì Hợp đồng bảo hiểm theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng hoặc Bên Vay bị Công ty bảo hiểm từ chối bán bảo hiểm.
- q) Phát sinh các sự kiện dẫn đến mục đích vay vốn của Bên Vay không được thực hiện hoặc không tiếp tục được thực hiện;

- r) Bên Vay có tên trong danh sách ngừng hoạt động/tạm ngừng kinh doanh/chấm dứt hoạt động trên website của Tổng cục thuế;
 - s) Bên Vay vi phạm pháp luật, chính sách của Nhà nước;
 - t) Bên Vay không bổ sung, thay thế tài sản bảo đảm theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng;
 - u) Có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc Bên Ngân Hàng phải thu hồi nợ trước hạn; hoặc phát sinh các sự kiện thay đổi, ban hành mới chính sách, quy định pháp luật hay các quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan tới việc cho vay, lãi suất cho vay, cách tính lãi hoặc các sự kiện bất khả kháng/trường hợp khẩn cấp như khủng bố, chiến tranh, bạo động, đình công, bãi công, lãn công, biểu tình, thiên tai mà Bên Ngân Hàng được yêu cầu thu hồi nợ trước hạn hoặc phải thu hồi nợ trước hạn để bảo đảm thu hồi nợ vay;
 - v) Bên Vay không tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ, cam kết, bảo đảm nào theo các thỏa thuận về môi trường và xã hội với Bên Ngân Hàng tại Hợp Đồng này và/hoặc các thỏa thuận có liên quan khác mà không khắc phục trong vòng 30 ngày kể từ ngày Bên Ngân Hàng thông báo với Bên Vay về vi phạm đó.
 - w) Việc cho vay, giải ngân có thể dẫn đến việc vi phạm các quy định của pháp luật và/hoặc có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến hành vi vi phạm pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố);
 - x) Việc cho vay, giải ngân liên quan đến bất kỳ tổ chức, cá nhân nào có tên trong danh sách đen, danh sách cảnh báo, danh sách Phòng, chống rửa tiền khác do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, khuyến nghị áp dụng và/hoặc được áp dụng tại Bên Ngân Hàng;
 - y) Các trường hợp khác mà Bên Ngân Hàng xét thấy cần thiết để bảo đảm thu hồi nợ vay.
2. Khi xảy ra một trong các trường hợp nêu trên, Bên Ngân Hàng có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) căn cứ vào tình hình thực tế và lựa chọn thời điểm thích hợp để quyết định ngừng giải ngân, chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn. Khi Bên Ngân Hàng quyết định thu hồi nợ trước hạn, các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ liên quan khác của Bên Vay thuộc phạm vi Bên Ngân Hàng thu hồi nợ trước hạn dù đã đến hạn hay chưa đến hạn đều trở thành khoản nợ đến hạn.
3. Bên Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay về việc chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn bằng một trong các hình thức thông báo như quy định tại Hợp Đồng này. Thông báo của Bên Ngân Hàng sẽ nêu rõ thời điểm chấm dứt cho vay, thu hồi nợ trước hạn, số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn; thời hạn hoàn trả số dư nợ gốc bị thu hồi nợ trước hạn, thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất áp dụng đối với số dư nợ gốc bị thu hồi trước hạn và các thông tin khác liên quan tới nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay (nếu có). Bên Vay cam kết thực hiện trả nợ trước hạn theo đúng Thông báo của Bên Ngân Hàng.
4. Xử lý nợ vay: Trường hợp Bên Vay không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ (bao gồm cả nghĩa vụ trả nợ trước hạn), ngoài việc chuyển quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp Đồng này, Bên Ngân Hàng được quyền áp dụng các biện pháp để thu hồi nợ, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo đảm;
- b) Trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng và sử dụng tiền/tài sản có được để thu hồi nợ;
- c) Yêu cầu các tổ chức tín dụng khác trích/tắt toán các tài khoản, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên Vay tại tổ chức tín dụng đó (nếu có) để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng.
- d) Đối trừ với các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Ngân Hàng đối với Bên Vay (nếu có).
- e) Các biện pháp xử lý nợ khác phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Trường hợp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý nợ nhưng vẫn không đủ để bù đắp toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay với Bên Ngân Hàng thì Bên Vay có trách nhiệm tiếp tục trả đầy đủ các khoản nợ gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính chưa được thanh toán cho Bên Ngân Hàng.

Điều 8. Cung Cấp Thông Tin, Tài Liệu

1. Bên Vay cam kết cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay tại thời điểm đề nghị cho vay bao gồm nhưng không giới hạn thông tin về điều kiện pháp lý, phương án sử dụng vốn, khả năng tài chính, điều kiện về tuân thủ pháp luật và cam kết toàn bộ thông tin, tài liệu đã cung cấp là đầy đủ, chân thực và chính xác. Bên Vay chịu trách nhiệm trước pháp luật trong trường hợp vi phạm cam kết quy định tại Khoản này dẫn đến kết quả thẩm định và quyết định cho vay của Bên Ngân Hàng bị ảnh hưởng.
2. Trong quá trình vay vốn, Bên Vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân Hàng các thông tin, tài liệu quy định dưới đây để phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của Bên Ngân Hàng:
 - a) Các tài liệu liên quan tới việc sử dụng vốn vay và chứng minh Bên Vay sử dụng vốn vay đúng mục đích theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng;
 - b) Báo cáo tài chính của Bên Vay, Bên Vay phải cung cấp cho Bên Ngân Hàng Báo cáo tài chính của Bên Vay cho năm tài chính liền kề trước đó. Ngoài Báo cáo này, tùy từng trường hợp Bên Vay đồng ý cung cấp cho Bên Ngân Hàng Báo cáo tài chính được lập cho từng quý, nửa năm hoặc cho một khoảng thời gian nhất định khi được Bên Ngân Hàng yêu cầu;
 - c) Trong vòng 06 tháng kể từ ngày cuối cùng Bên Ngân hàng giải ngân cho Bên Vay, Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất Động Sản Hà An cung cấp các chứng từ liên quan đến việc sử dụng khoản đảm bảo từ Bên Vay theo Hợp đồng Dịch vụ môi giới tiếp thị và phân phối độc quyền số 01/2022/HDDV-TTPPDQ/ HAAN-HTH, chứng từ cung cấp bảo gồm: Hợp đồng, Ủy nhiệm chi, Hóa đơn (nếu có);
 - d) Bên Vay cam kết cung cấp cho Bên Ngân Hàng báo cáo tài chính bán niên: bổ sung trong vòng 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý 2 và Báo cáo tài chính năm có kiểm toán: bổ sung trong vòng 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính;
 - e) Các thông tin, tài liệu liên quan đến tình trạng của tài sản bảo đảm;

- f) Các thông tin, tài liệu khác có liên quan theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng.
3. Bên Vay đồng ý cung cấp cho Bên Ngân Hàng tất cả các thông tin, tài liệu theo yêu cầu hợp lý của Bên Ngân Hàng nhằm tuân thủ các quy định về Phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, cấm vận, trừng phạt. Bên Vay đồng ý rằng Bên Ngân Hàng có thể chia sẻ bất kỳ thông tin liên quan đến Bên Vay và/hoặc các bên liên quan với bất kỳ cơ quan thực thi pháp luật, cơ quan quản lý hoặc tòa án trên cơ sở yêu cầu của các cơ quan này và/hoặc theo quy định của pháp luật;
4. Ngoài các thông tin, tài liệu nêu trên, Bên Vay có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân Hàng trong vòng 05 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a) Bên Vay thay đổi trụ sở, địa chỉ liên lạc, điện thoại và/hoặc các thay đổi khác ảnh hưởng đến việc thông tin, liên lạc giữa Hai Bên/ Các Bên.
 - b) Xảy ra một trong các trường hợp nêu tại điểm f, g, h, i và q, Khoản 1, Điều 7 của Hợp Đồng này;
5. Trường hợp vi phạm các cam kết, nghĩa vụ về cung cấp thông tin theo quy định tại Điều này, Bên Vay đồng ý với các biện pháp xử lý mà Bên Ngân Hàng áp dụng đồng thời cam kết thanh toán đầy đủ các khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại cho Bên Ngân Hàng phù hợp với thỏa thuận của Các Bên theo Hợp Đồng này.
6. Thỏa thuận về cung cấp thông tin tín dụng: Căn cứ quy định pháp luật về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật có liên quan, Bên Ngân Hàng và Bên Vay cùng bàn bạc, thống nhất thỏa thuận về việc cung cấp thông tin tín dụng cho công ty thông tin tín dụng như sau:
- a) Bên Vay đồng ý cho Bên Ngân Hàng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng cho bất kỳ công ty, tổ chức nào hoạt động trong lĩnh vực thông tin tín dụng ("**Công ty thông tin tín dụng**") mà Bên Ngân Hàng là tổ chức tham gia.
 - b) Tại thời điểm ký kết Hợp Đồng này, Bên Ngân Hàng đã thông báo với Bên Vay thông tin về Công ty thông tin tín dụng mà Bên Ngân Hàng tham gia như sau: Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam (PCB), Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0102547296, đăng ký lần đầu: ngày 27/11/2007. Trường hợp Bên Ngân Hàng là tổ chức tham gia của bất kỳ Công ty thông tin tín dụng nào khác, Bên Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc kể từ ngày Bên Ngân Hàng cam kết cung cấp thông tin tín dụng cho Công ty thông tin tín dụng đó hoặc trong một thời hạn khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Nội dung thông tin tín dụng Bên Ngân Hàng được cung cấp bao gồm các thông tin là dữ liệu, số liệu, dữ kiện liên quan của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng bao gồm nhưng không giới hạn thông tin định danh, lịch sử cấp tín dụng, lịch sử trả nợ, bảo đảm thực hiện nghĩa vụ... và các thông tin khác được cung cấp/thu thập theo quy định của pháp luật. Việc cung cấp thông tin tín dụng sẽ được Bên Ngân Hàng thực hiện phù hợp với quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng và các quy định pháp luật khác liên quan.

- d) Trường hợp Công ty thông tin tín dụng mà Bên Ngân Hàng tham gia bị thu hồi Giấy chứng nhận, Bên Ngân Hàng sẽ ngừng cung cấp thông tin tín dụng của Bên Vay cho Công ty thông tin tín dụng đó và Bên Vay đồng ý rằng thông tin tín dụng của Bên Vay sẽ được xử lý theo quy định của Chính phủ về hoạt động cung ứng dịch vụ thông tin tín dụng. Bên Ngân Hàng sẽ thông báo với Bên Vay về việc xử lý thông tin tín dụng của Bên Vay trong thời hạn tối đa 10 ngày làm việc, kể từ ngày Bên Ngân Hàng nhận được thông báo của Công ty thông tin tín dụng về phương án xử lý thông tin tín dụng.
- e) Để tránh hiểu nhầm, Các Bên đều hiểu và thống nhất rằng hoạt động cung cấp thông tin tín dụng cho Ngân hàng nhà nước hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác vẫn được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và quy định của Bên Ngân Hàng.
7. Nhằm đảm bảo được cung cấp thông tin kịp thời trong quá trình sử dụng sản phẩm/dịch vụ của Bên Ngân Hàng, Bên Vay đồng ý nhận thông tin, thông báo (bao gồm cả thông tin quảng cáo, khuyến mại) về các sản phẩm, dịch vụ, ưu đãi, chương trình, hoạt động,... của Bên Ngân Hàng thông qua tin nhắn, thư điện tử, cuộc gọi điện thoại và các phương tiện khác được Bên Ngân Hàng triển khai từng thời kỳ. Nếu từ chối nhận các thông tin nêu trên, Bên Vay sẽ gọi đến hotline 1900545415 hoặc theo các phương thức khác được Bên Ngân Hàng thông báo từng thời kỳ trên website chính thức của Bên Ngân Hàng.

Điều 9. Phạt Vi Phạm Và Bồi Thường Thiệt Hại

1. Trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ, cam kết, trách nhiệm theo quy định tại Hợp Đồng này và bất kỳ thỏa thuận nào khác giữa Bên Ngân Hàng và Bên Vay, Bên Vay phải chịu phạt vi phạm theo mức 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm hoặc mức phạt tối đa khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Ngoài việc phải thanh toán tiền phạt vi phạm như quy định tại Khoản này, Bên Vay có nghĩa vụ bồi thường cho Bên Ngân Hàng toàn bộ các thiệt hại phát sinh mà Bên Ngân Hàng phải gánh chịu do vi phạm của Bên Vay.
2. Ngoài số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại như quy định tại Khoản 1 Điều này, Bên Vay đồng ý bồi hoàn cho Bên Ngân Hàng đầy đủ các khoản chi phí giám định, định giá, thẩm định cấp tín dụng, phí luật sư, các chi phí phát sinh khác mà Bên Ngân Hàng đã thanh toán trong trường hợp khoản vay không được giải ngân, chấm dứt cho vay, thu hồi nợ do lỗi của Bên Vay và các chi phí, tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại mà Bên Ngân Hàng phải thanh toán cho Bên thứ ba do vi phạm của Bên Vay trực tiếp hoặc gián tiếp gây ra.
3. Việc thanh toán tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và tiền bồi hoàn sẽ thực hiện theo thông báo của Bên Ngân Hàng và Bên Ngân Hàng không cần cung cấp bất kỳ chứng từ chứng minh thiệt hại nào. Khi phát sinh vi phạm, Bên Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay về số tiền phạt vi phạm, số tiền bồi thường thiệt hại, số tiền bồi hoàn và thời hạn thanh toán các khoản tiền này, thông báo này có giá trị ràng buộc nghĩa vụ thanh toán của Bên Vay.
4. Thỏa thuận về phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại tại Điều này không áp dụng trong trường hợp Bên Vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi tiền vay theo quy định tại Hợp Đồng này.
5. Việc áp dụng các biện pháp phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng tới quyền của Bên Ngân Hàng trong việc áp dụng các biện pháp xử lý khác khi Bên Vay vi phạm theo

Hợp Đồng này.

Điều 10. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Ngân Hàng

1. Quyền của Bên Ngân Hàng:

- a) Từ chối cho vay, từ chối giải ngân tiền vay nếu Bên Vay không đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thủ tục theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng hoặc Bên Ngân Hàng không có đủ điều kiện để cho vay, giải ngân tại thời điểm Bên Vay yêu cầu;
- b) Được quyền thay đổi thời hạn điều chỉnh lãi suất và biên độ điều chỉnh lãi suất trong các trường hợp theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, các thỏa thuận liên quan khác hoặc cho phù hợp khi thị trường có biến động bất thường hoặc chính sách tiền tệ và lãi suất của Ngân hàng Nhà nước có sự thay đổi ảnh hưởng đến lãi suất khoản vay;
- c) Được quyền yêu cầu Bên Vay sử dụng mọi tài sản, nguồn thu của Bên Vay để thanh toán các khoản nợ cho Bên Ngân Hàng đầy đủ, đúng hạn;
- d) Được quyền liên hệ trực tiếp với các bên có nghĩa vụ tài sản đối với Bên Vay để nhận các khoản tiền, tài sản mà bên đó phải trả hoặc phải giao cho Bên Vay;
- e) Được quyền trực tiếp kiểm tra hoặc yêu cầu Bên Vay thông báo, cung cấp thông tin về việc sử dụng vốn vay, tình hình tài sản/tài chính, thu nhập của Bên Vay, về tài sản bảo đảm, việc tuân thủ về pháp luật bao gồm pháp luật về môi trường và xã hội, tuân thủ các tiêu chuẩn môi trường và xã hội mà Bên Ngân Hàng đã cung cấp cho Bên Vay và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay;
- f) Được yêu cầu Bên Vay bổ sung thêm tài sản của mình hoặc của Bên thứ ba vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ cho Bên Ngân Hàng trong các trường hợp Bên Ngân Hàng nhận định rằng giá trị tài sản bảo đảm hiện tại không đủ để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay;
- g) Được quyền xử lý tài sản bảo đảm của Bên Vay và/hoặc Bên thứ ba (nếu có) để thu hồi nợ;
- h) Có toàn quyền chuyển giao, bán cho Bên thứ ba toàn bộ hoặc một phần khoản nợ của Bên Vay theo Hợp Đồng này mà không cần phải có sự đồng ý của Bên Vay;
- i) Cho mục đích tuân thủ quy định pháp luật; mục đích xây dựng, hoàn thiện, phát triển các sản phẩm, dịch vụ và thực hiện các hoạt động kinh doanh, hoạt động hợp pháp khác của Bên Ngân Hàng; và/hoặc mục đích tạo điều kiện để Bên Vay có thể tiếp cận và sử dụng đa dạng các sản phẩm, dịch vụ do Bên Ngân Hàng hoặc các bên liên quan, các đối tác khác cung cấp, Bên Vay đồng ý rằng Bên Ngân Hàng có thể sử dụng các thông tin cá nhân của Bên Vay, thông tin từ các văn bản, tài liệu do Bên Vay cung cấp và thông tin các giao dịch của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng để cung cấp cho (i) các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật; (ii) các đơn vị có chức năng cung cấp dịch vụ thông tin tín dụng, đánh giá tín nhiệm, kiểm toán; (iii) các công ty con, công ty liên kết, công ty thành viên của Bên Ngân Hàng; (iv) các đối tác kinh

doanh, đối tác liên quan có hợp tác với Bên Ngân Hàng để phát triển, cung cấp hoặc liên quan tới việc phát triển, cung cấp các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân Hàng; (v) các đại lý, nhà thầu hay các nhà cung cấp hàng hóa, dịch vụ có ký kết hợp đồng, thỏa thuận với Bên Ngân Hàng liên quan tới các hoạt động của Bên Ngân Hàng và/hoặc (vi) các bên liên quan khác mà Bên Ngân Hàng thấy là cần thiết để đáp ứng, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bên Vay;

- j) Tự động tạm khóa, trích, tất toán tài khoản (có kỳ hạn, không kỳ hạn) của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng, các khoản tiền gửi, tài sản gửi khác của Bên Vay tại Bên Ngân Hàng hoặc lập ủy nhiệm thu yêu cầu các tổ chức tín dụng mở tài khoản cho Bên Vay trích tiền chuyển cho Bên Ngân Hàng để thu hồi các khoản nợ gốc, lãi tiền vay, phí, phạt, các khoản phải thanh toán, hoàn trả, bồi thường cho Bên Ngân Hàng theo Hợp Đồng này hoặc bất cứ khoản nợ, nghĩa vụ thanh toán nào khác của Bên Vay đối với Bên Ngân Hàng theo các cam kết, thỏa thuận hoặc văn bản khác ký kết giữa Bên Ngân Hàng và Bên Vay;
- k) Trường hợp Bên Vay có nhiều bên, thì tất cả các Bên Vay phải cùng liên đới thực hiện nghĩa vụ theo quy định của Hợp Đồng này. Không phụ thuộc vào bất kỳ quy định hay thỏa thuận nào khác giữa các Bên Vay, Bên Ngân Hàng có quyền yêu cầu bất cứ ai trong số các Bên Vay phải thực hiện toàn bộ nghĩa vụ theo Hợp Đồng này.
- l) Được yêu cầu Bên Vay bổ sung, hoàn thiện và/hoặc phối hợp với Bên Ngân Hàng hoàn thiện bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào liên quan tới vấn đề về môi trường và xã hội bao gồm nhưng không giới hạn Kế hoạch hành động khắc phục rủi ro về môi trường và xã hội và tài liệu về đánh giá và kiểm soát các vấn đề về môi trường và xã hội theo mẫu của Bên Ngân Hàng.
- m) Định kỳ hàng quý, Bên Ngân Hàng thực hiện thu thập thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (CIC), trường hợp Bên Vay có phát sinh nợ nhóm 2 trở lên tại các Tổ chức tín dụng thì Bên Ngân Hàng xem xét lại hạn mức tín dụng của Bên Vay;

2. Nghĩa vụ của Bên Ngân Hàng:

- a) Giải ngân tiền vay cho Bên Vay theo đúng thỏa thuận;
- b) Giải chấp tài sản bảo đảm (nếu có) sau khi Bên Vay đã thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ đối với Bên Ngân Hàng.

3. Bên Ngân Hàng có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền và Nghĩa Vụ Của Bên Nhận Ủy Thác

- 1. Bên Nhận Ủy Thác có quyền và nghĩa vụ với Bên Ngân Hàng theo quy định cụ thể tại Hợp Đồng Ủy Thác.
- 2. Để làm rõ, Các Bên tại đây thống nhất rằng:
 - a) Ngoại trừ nghĩa vụ giải ngân cho Bên Vay theo quy định tại Khế ước nhận nợ và Hợp Đồng này, Bên Nhận Ủy Thác không phát sinh bất kỳ nghĩa vụ nào khác với Bên Ngân Hàng và



Bên Vay theo Hợp Đồng này.

- b) Đồng thời, Bên Nhận Ủy Thác cũng không có bất kỳ quyền gì đối với Bên Vay theo Hợp Đồng này, bao gồm nhưng không giới hạn, quyền thu hồi nợ gốc/lãi, thu hồi khoản vay, yêu cầu cung cấp thông tin...

Điều 12. Quyền Và Nghĩa Vụ Của Bên Vay

1. Quyền của Bên Vay:

- a) Được nhận và sử dụng vốn vay từ Bên Ngân Hàng theo đúng thỏa thuận;
b) Được yêu cầu Bên Ngân Hàng giải tỏa tài sản bảo đảm thuộc sở hữu của Bên Vay (nếu có) sau khi Bên Vay hoàn thành tất cả các nghĩa vụ với Bên Ngân Hàng.

2. Nghĩa vụ của Bên Vay:

- a) Cung cấp đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin, hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc vay vốn theo yêu cầu của Bên Ngân Hàng trong suốt quá trình vay vốn;
b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;
c) Cung cấp thông tin và/hoặc tạo mọi điều kiện để Bên Ngân Hàng trực tiếp kiểm tra, giám sát về tình hình sử dụng vốn vay, tình hình tài sản, thu nhập của Bên Vay, về tài sản bảo đảm và các thông tin khác liên quan đến khoản vay hoặc đến tình hình thực hiện nghĩa vụ trả nợ của Bên Vay;
d) Bổ sung thêm tài sản vào thế chấp, cầm cố, ký quỹ... để bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp Đồng này trong các trường hợp Bên Ngân Hàng có yêu cầu;
e) Thực hiện đúng các quy định về lãi suất đã được thỏa thuận tại Hợp Đồng này và các văn bản liên quan. Bên Vay hoàn toàn chấp thuận các mức lãi suất được Bên Ngân Hàng điều chỉnh phù hợp với thỏa thuận của Các Bên trong Hợp Đồng này và/hoặc các văn bản liên quan;
f) Thực hiện đúng các nghĩa vụ theo Hợp Đồng này và các văn bản liên quan ký giữa Các Bên, trường hợp vi phạm, Bên Vay phải chịu phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại theo quy định tại Hợp Đồng. Ngoài khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại, Bên Vay phải thanh toán các khoản chi phí liên quan bao gồm nhưng không hạn chế chi phí tìm kiếm, thu giữ xử lý tài sản bảo đảm, án phí, lệ phí Tòa án, phí thi hành án ...;
g) Trường hợp Bên Vay được giải ngân vốn vay bằng tiền mặt hoặc được chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản thanh toán của Bên Vay, Bên Vay cam kết sử dụng vốn vay để thanh toán cho bên thụ hưởng là cá nhân không có tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán hoặc để thanh toán trong các trường hợp khác mà pháp luật cho phép. Bên Vay có trách nhiệm cung cấp cho Bên Ngân Hàng các thông tin, tài liệu, chứng từ thanh toán cần thiết để Bên Ngân Hàng thực hiện giải ngân và cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu và chứng từ cung cấp cho Bên Ngân Hàng;
h) Trong mọi trường hợp sẽ sử dụng toàn bộ các nguồn thu nhập của mình và toàn bộ tài

sản thuộc sở hữu và/hoặc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của mình để thanh toán hết các nghĩa vụ nợ của Bên Vay với Bên Ngân Hàng theo Hợp Đồng này và các văn bản, thỏa thuận khác. Bên Vay cam kết sẽ tự nguyện thực hiện cam kết này bằng mọi hình thức, bàn giao các tài sản nói trên của mình cho Bên Ngân Hàng và hỗ trợ Bên Ngân Hàng trong việc nhận và xử lý các tài sản đó để trả nợ cho Bên Ngân Hàng;

- i) Tuân thủ pháp luật, chính sách của Nhà nước bao gồm cả việc tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về môi trường và xã hội;
- j) Chuyển doanh thu qua tài khoản thanh toán mở tại Bên Ngân Hàng. Trường hợp Bên Vay và Bên Ngân Hàng có thỏa thuận về mức doanh thu tối thiểu Bên Vay phải đảm bảo chuyển qua tài khoản tại Bên Ngân Hàng, Bên Vay có nghĩa vụ bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung như đã thỏa thuận với Bên Ngân Hàng;
- k) Không được chuyển nhượng các quyền và nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này cho Bên thứ ba, trừ trường hợp được Bên Ngân Hàng đồng ý bằng văn bản;
- l) Liên quan đến việc sử dụng vốn vay theo phương án kinh doanh giải ngân theo quy định trong Hợp Đồng này, khi Bên Ngân Hàng có yêu cầu và đã thông báo trước cho Bên Vay, trừ trường hợp Bên Vay có văn bản từ chối (ghi rõ lý do) trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, Bên Vay phải cho phép đại diện của Bên Ngân Hàng:
 - (i) Kiểm tra bất kỳ địa điểm và cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh của Bên Vay;
 - (ii) Kiểm tra bất kỳ cơ sở vật chất, nhà máy và thiết bị của Bên Vay;
 - (iii) Có quyền tiếp cận sổ sách và tất cả các hồ sơ của Bên Vay, và
 - (iv) Có quyền tiếp cận các nhân viên, đại lý, nhà thầu và các nhà thầu phụ của Bên Vay có hoặc có thể có kiến thức về các vấn đề liên quan mà Bên Ngân Hàng tìm kiếm thông tin.
- m) Bên Vay phải thiết kế, xây dựng, vận hành, bảo trì, giám sát tất cả cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, nhà máy, trang thiết bị, cơ sở vật chất của Bên Vay và kiểm tra, giám sát việc thực hiện của nhà thầu, nhà thầu phụ của Bên Vay (nếu có) đảm bảo:
 - (i) Tuân thủ quy định của Pháp luật về môi trường và xã hội của Việt Nam và chính sách, hướng dẫn về môi trường và xã hội của Bên Ngân Hàng; và
 - (ii) Tuân thủ các quy tắc và quy định (bao gồm bất kỳ nghĩa vụ hiệp ước quốc tế nào, nếu có) của Chính phủ Việt Nam và chính quyền địa phương về bảo vệ môi trường, xã hội, lao động, an toàn lao động và an ninh cộng đồng.
- n) Trong trường hợp xảy ra sự cố hoặc tai nạn liên quan đến môi trường và xã hội, gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc thực hiện Pháp luật về Môi trường và Xã hội cũng như các yêu cầu tuân thủ về môi trường và xã hội của Bên Ngân Hàng, Bên Vay có nghĩa vụ phải thông báo bằng văn bản cho Bên Ngân Hàng trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi xảy ra sự cố hoặc tai nạn;
- o) Bên Vay không được sử dụng vốn vay để cung cấp khoản vay/cấp vốn/hỗ trợ tài chính cho các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các hoạt động trọng Danh sách không cấp tín

dụng liên quan đến các vấn đề môi trường và xã hội của Bên Ngân Hàng.

3. Bên Vay có các quyền và nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay, các văn bản khác ký kết với Bên Ngân Hàng, các bên khác (nếu có) và theo quy định của pháp luật.
4. Cam kết và bảo đảm của Bên Vay: Tại Hợp Đồng này, Bên Vay cam kết và bảo đảm như sau:
 - a) Đại diện của Bên Vay ký kết Hợp Đồng này đã được cấp có thẩm quyền của Bên Vay phê duyệt một cách đầy đủ và Đại diện của Bên Vay ký kết Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan là người đại diện hợp pháp có đủ thẩm quyền ký kết theo Điều lệ, quy định nội bộ của Bên Vay và pháp luật có liên quan.
 - b) Các giao dịch theo Hợp Đồng này và các văn bản tín dụng có liên quan được ký với Bên Ngân Hàng đã được phê duyệt đầy đủ, hợp lệ bởi cấp có thẩm quyền theo quy định nội bộ của Bên Vay và quy định của pháp luật.
 - c) Bên Vay chấp nhận rằng các thông báo lãi suất, ấn định lãi suất, tính toán gốc, lãi, phí, phạt, chi phí.... theo quy định tại Hợp Đồng này và các văn bản có liên quan được ký với Bên Ngân Hàng đối với Bên Vay là có giá trị ràng buộc nghĩa vụ của Bên Vay đối với Bên Ngân Hàng, trừ trường hợp có sự sai sót rõ trong tính toán số học.
 - d) Khi có sự kiện gây ảnh hưởng bất lợi đến việc duy trì khoản vay của Bên Vay theo xác định của Bên Ngân Hàng, Bên Ngân Hàng sẽ thông báo cho Bên Vay và Bên Ngân Hàng có quyền áp dụng một, một số hoặc đồng thời tất cả các biện pháp sau: (i) Tạm dừng, dừng thực hiện/tuyên bố hủy bỏ cam kết cho vay, giải ngân theo Hợp Đồng này, các văn bản tín dụng có liên quan hoặc (ii) Thay đổi tăng lãi suất cho vay hoặc (iii) Yêu cầu Bên Vay thanh toán chi phí gia tăng bổ sung. Việc áp dụng các biện pháp này sẽ do Bên Ngân Hàng thông báo bằng văn bản cho Bên Vay và văn bản thông báo có giá trị ràng buộc nghĩa vụ đối với Bên Vay.
 - e) Trong thời hạn của Hợp Đồng này, Bên Vay không:
 - (i) Vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật về môi trường và xã hội của Việt Nam hay bất kỳ chính sách, hướng dẫn về môi trường xã hội của Bên Ngân Hàng.
 - (ii) Nhận được bất kỳ khiếu nại, chỉ thị, yêu cầu từ bất kỳ cơ quan nào hoặc bất kỳ thông báo bằng văn bản từ bên thứ ba nào liên quan đến việc không tuân thủ quy định về môi trường và xã hội theo luật Việt Nam.
 - f) Bên Vay cam kết rằng tài sản bảo đảm cho khoản vay theo Hợp Đồng này (nếu có) và tất cả các khoản tiền được sử dụng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay theo Hợp Đồng này, các Khế ước nhận nợ được hình thành từ các nguồn hợp pháp và không vi phạm bất kỳ các quy định nào của pháp luật (bao gồm cả các quy định của pháp luật về Phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố).
 - g) Cam kết và bảo đảm của Bên Vay: Tại Hợp Đồng này, Bên Vay cam kết và bảo đảm như sau:

- Chịu trách nhiệm tính chính xác về nội dung của các báo cáo cung cấp cho Bên Ngân hàng;
 - Sử dụng tài khoản thanh toán của Bên Vay mở tại Bên Ngân hàng làm tài khoản duy nhất nhận tiền thanh toán trong các hợp đồng mua bán/ Hợp đồng đặt cọc và đây là tài khoản duy nhất không hủy ngang và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện;
 - Đồng ý để Bên Ngân hàng quản lý/ tạm khóa toàn bộ số tiền bán hàng thu được trên tài khoản chuyên dùng tại Bên Ngân hàng.
5. Bên Vay đồng ý rằng Bên Ngân Hàng có quyền được thực hiện các biện pháp cần thiết để tìm kiếm, thu thập và xác minh các thông tin, dữ liệu về Bên Vay, tài sản của Bên Vay và các thông tin khác liên quan tới Bên Vay để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này. Để phục vụ cho việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng (bao gồm cả công tác thu hồi nợ/quản lý khoản nợ của Bên Ngân Hàng), bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay ủy quyền cho Bên Ngân Hàng đại diện, thay mặt Bên Vay liên hệ, làm việc với các cơ quan, đơn vị liên quan, ký các giấy tờ, tài liệu cần thiết gửi các cơ quan, đơn vị liên quan (nếu được yêu cầu) để thực hiện xác nhận, xác minh, thu thập thông tin về (i) tình trạng cư trú, việc làm, nhân khẩu của Bên Vay và gia đình Bên Vay (với Bên Vay là cá nhân); thực hiện xác nhận tình trạng đăng ký trụ sở, địa điểm kinh doanh, tình trạng cư trú, việc làm của người đại diện của Bên Vay (với Bên Vay là tổ chức); (ii) tình trạng hoạt động, sản xuất, kinh doanh; tình trạng thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước (thuế, bảo hiểm); (iii) tình trạng, thông tin về tài sản thuộc sở hữu của Bên Vay; (iv) các thông tin, dữ liệu khác có liên quan tới việc ký kết và thực hiện Hợp Đồng này. Bên Vay đồng ý rằng Bên Ngân Hàng được ủy quyền lại cho bên thứ ba thực hiện các công việc được ủy quyền nêu trên.
6. Cam kết của Bên Vay đối với quy định về phòng chống tham nhũng:
- b) Bên Vay hoàn toàn hiểu rõ việc Bên Ngân Hàng không yêu cầu Bên Vay, cán bộ, nhân viên của Bên Vay và/hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan đưa tiền cho cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân Hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân Hàng để hỗ trợ Bên Ngân Hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên Vay trong suốt quá trình tư vấn, thiết lập, giao dịch với Bên Ngân Hàng, hỗ trợ Bên Ngân Hàng trong hoạt động xử lý nợ,...; Bên Ngân Hàng chỉ thu các khoản tiền (gốc, lãi, phí, phạt và các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Vay) phù hợp với quy định của pháp luật và được thỏa thuận với Bên Vay;
 - c) Bên Vay cam kết (i) không hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào, bao gồm nhưng không giới hạn việc: đưa tiền, quà, hoặc gợi ý sẽ đưa tiền, quà, các lợi ích vật chất khác, kể cả việc chiêu đãi, ăn uống hay giúp đỡ đối với cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân Hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân Hàng để hỗ trợ Bên Ngân Hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên Vay, hỗ trợ Bên Ngân Hàng trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi; và (ii) không thực hiện các hành vi gian lận, vi phạm quy định, quy trình của Bên Ngân Hàng, vi phạm quy định của pháp luật;

- d) Nếu biết, phát hiện hoặc nhận được các gợi ý, đòi hỏi, yêu cầu về việc đưa, nhận hối lộ dưới bất kỳ hình thức nào của cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Bên Ngân Hàng và/hoặc cán bộ, nhân viên, cộng tác viên của Doanh nghiệp có cung cấp dịch vụ cho Bên Ngân Hàng để hỗ trợ Bên Ngân Hàng triển khai hoạt động bán sản phẩm tín dụng đến Bên Vay, hỗ trợ Bên Ngân Hàng trong hoạt động xử lý nợ,... nhằm đạt được các giao dịch, thỏa thuận có lợi, Bên Vay sẽ thông báo ngay cho Bên Ngân Hàng thông qua một trong các kênh tiếp nhận thông tin sau đây: sukientuanthu@vpbank.com.vn; hoặc số điện thoại 024.73059129 hoặc tổng đài 1900545415 hoặc kênh liên hệ khác được Bên Ngân Hàng triển khai từng thời kỳ;
- e) Trong trường hợp vi phạm các cam kết tại Khoản này, Bên Vay hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi vi phạm của mình, đồng thời từ bỏ các quyền khiếu nại đối với Bên Ngân Hàng.

Điều 13. Luật Điều Chỉnh Và Giải Quyết Tranh Chấp

1. Hợp Đồng này được giải thích và điều chỉnh theo pháp luật Việt Nam.
2. Các tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được Các Bên bàn bạc, xử lý trên tinh thần hợp tác, bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau. Trường hợp Các Bên không tự thỏa thuận được hoặc không muốn thỏa thuận với nhau, một trong Các Bên có quyền khởi kiện ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật. Các Bên thống nhất rằng địa chỉ của Các Bên như nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này là địa chỉ được sử dụng để Tòa án xác định thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật. Trường hợp Bên Vay thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho Bên Ngân Hàng bằng văn bản, thì được hiểu là Bên Vay cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ và Bên Ngân Hàng có quyền yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bên Vay chấp nhận việc Tòa án xét xử vắng mặt Bên Vay, kể cả trường hợp không lấy được lời khai của Bên Vay.
3. Các Bên thống nhất và làm rõ rằng, Bên Ngân Hàng được tự mình, độc lập khởi kiện Bên Vay tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền mà không bắt buộc/ không cần phải có sự tham gia của Bên Nhận Ủy Thác cũng như không phải lấy ý kiến, không cần phải được sự đồng thuận, chấp thuận của Bên Nhận Ủy Thác cũng như không phải thực hiện thêm bất kỳ thủ tục đối với Bên Nhận Ủy Thác khi khởi kiện Bên Vay dưới bất kỳ hình thức nào.

Điều 14. Trao Đổi Thông Tin

1. Các thông báo, văn bản giao dịch giữa Bên Ngân Hàng, Bên Nhận Ủy Thác và Bên Vay sẽ được gửi theo địa chỉ của mỗi Bên nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này. Trường hợp Bên nào có sự thay đổi địa chỉ thì phải thông báo cho Bên kia bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên kia có quyền gửi văn bản theo địa chỉ cũ và mặc nhiên coi như Bên còn lại đã nhận được văn bản và nội dung các văn bản này có giá trị ràng buộc Các Bên.
2. Văn bản thông báo, trao đổi thông tin liên quan đến Hợp Đồng này được một Bên lập và gửi tới Bên kia sẽ được coi là đã được nhận bởi Bên kia vào thời điểm:
 - a) Văn bản giấy được gửi trực tiếp tới người có liên quan tại địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này; hoặc

- b) Ngày làm việc liền sau ngày văn bản giấy được gửi bằng thư bảo đảm tới địa chỉ được nêu tại phần đầu của Hợp Đồng này; hoặc
- c) Vào ngày máy Fax của Bên gửi đã thông báo gửi và nhận Fax thành công trong trường hợp văn bản được gửi Fax tới số Fax nêu tại phần đầu Hợp Đồng này.
3. Ngoài phương thức trao đổi thông tin như quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này, Bên Ngân Hàng có thể thông báo cho Bên Vay các vấn đề liên quan tới khoản vay theo Hợp Đồng này cũng như các sản phẩm, dịch vụ của Bên Ngân Hàng bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung, các điều chỉnh về chính sách của Bên Ngân Hàng đối với các khoản vay theo Hợp Đồng này bằng một trong các phương thức liên hệ do Bên Ngân Hàng triển khai từng thời kỳ bao gồm nhưng không giới hạn một trong các phương thức sau: gọi điện thoại, gửi tin nhắn SMS, gửi email tới số điện thoại, email được Bên Vay đăng ký với Bên Ngân Hàng tại phần đầu Hợp Đồng này hoặc niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc thông báo trên website chính thức của Bên Ngân Hàng (website: www.vpbank.com.vn). Đối với các nội dung Bên Ngân Hàng thông báo cho Bên Vay bằng văn bản theo quy định của Hợp Đồng này, (các) Khế ước nhận nợ, các văn bản liên quan hoặc quy định của pháp luật, Các Bên đồng ý rằng, văn bản có thể được Bên Ngân Hàng lập và gửi bằng bản giấy hoặc bằng các thông điệp dữ liệu qua tin nhắn SMS, email ... cho Bên Vay theo quy định tại Điều này.
4. Bên Vay được coi là đã nhận được thông báo của Bên Ngân Hàng khi Bên Ngân Hàng đã thông báo bằng một/một số trong các phương thức nêu trên tới địa chỉ của Bên Vay hoặc số điện thoại, email được Bên Vay đăng ký với Bên Ngân Hàng hoặc đã niêm yết tại trụ sở địa điểm kinh doanh hoặc đã thông báo trên website của Bên Ngân Hàng. Bên Ngân Hàng không có nghĩa vụ phải xác minh việc Bên Vay đã nhận được các thông báo này. Trường hợp Bên Vay có sự thay đổi địa chỉ, số điện thoại, email liên hệ hoặc cần trao đổi thông tin với Bên Ngân Hàng thì phải thông báo cho Bên Ngân Hàng bằng văn bản; nếu không thông báo thì Bên Ngân Hàng có quyền thông báo theo địa chỉ, số điện thoại và email cũ và mặc nhiên coi như Bên Vay đã nhận được thông báo khi Bên Ngân Hàng thông báo tới địa chỉ, số điện thoại và email này và nội dung các thông báo này có giá trị ràng buộc Bên Vay.
5. Bên Vay được coi là chấp thuận toàn bộ những nội dung sửa đổi theo thông báo của Bên Ngân Hàng nếu Bên Vay tiếp tục duy trì khoản vay tại Bên Ngân Hàng sau thời điểm Bên Ngân Hàng thông báo.

Điều 15. Điều Khoản Thi Hành

1. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến khi Bên Vay thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ đối với Bên Ngân Hàng. Mọi thay đổi đối với các nội dung của Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực khi được Các Bên hoặc Hai Bên thỏa thuận. Các văn bản, dữ liệu ghi nhận nội dung sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng phù hợp với Hợp Đồng này là bộ phận không tách rời của Hợp Đồng. Những vấn đề chưa được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo các Khế ước nhận nợ, các cam kết, thỏa thuận khác giữa Hai Bên, Các Bên (nếu có) và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Tại đây, Các Bên thống nhất và làm rõ rằng, khi Hợp Đồng Ủy Thác chấm dứt (cho dù chấm dứt khi hết hiệu lực hoặc chấm dứt trước hạn) hoặc tùy vào quyết định của Bên Ngân Hàng

thì, Bên Ngân Hàng và Bên Vay được chủ động ký kết và quyết định toàn bộ nội dung liên quan đến việc ký kết văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế, chấm dứt Hợp Đồng này, Khế ước nhận nợ và các văn bản khác có liên quan mà không cần phải có sự tham gia ký kết của Bên Nhận Ủy Thác, không phải xin ý kiến hay cần thêm bất kỳ sự chấp thuận nào khác của Bên Nhận Ủy Thác và cũng không phải thông báo hay thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác đối với Bên Nhận Ủy Thác. Các Bên thừa nhận rằng, việc Bên Nhận Ủy Thác không tham gia ký kết không làm ảnh hưởng đến hiệu lực, nội dung hay bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các văn bản này.

2. Trường hợp có điều khoản nào đó của Hợp Đồng này bị vô hiệu theo phán quyết của cơ quan có thẩm quyền thì các điều khoản còn lại vẫn giữ nguyên hiệu lực với Các Bên. Các Bên sẽ bàn bạc, thỏa thuận để sửa đổi, bổ sung lại điều khoản đó cho phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Bằng việc ký kết Hợp Đồng này, Bên Vay xác nhận rằng Bên Vay đã được Bên Ngân Hàng cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến khoản vay trước khi xác lập Hợp Đồng này bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin như lãi suất cho vay; nguyên tắc và các yếu tố xác định, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả; phương pháp tính lãi; loại phí và mức phí áp dụng đối với khoản vay; thông tin về Hợp Đồng này...
4. Hợp Đồng này được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên Vay giữ 01 bản, Bên Nhận Ủy Thác giữ 01 bản, Bên Ngân Hàng giữ 02 bản.
5. Các Bên xác nhận rằng việc giao kết Hợp Đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, nhất trí và cùng ký tên dưới đây.



ĐẠI DIỆN BÊN VAY

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hà Hữu Hương



ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÁT TRIỂN KINH DOANH & QUẢN LÝ TÍN DỤNG
Đỗ Kim Ngọc

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN ỦY THÁC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHÓ GIÁM ĐỐC CN HÀ NỘI



Dương Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG CHO VAY SỐ 01/PLHD
(Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay số 327/2022/HDCV-UT/CMB)

Hôm nay, ngày 24/10/2022, tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, các bên gồm:

- **Bên Cho Vay: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng**
 - Mã số doanh nghiệp: 0100233583 do Sở KH&ĐT Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/09/1993 và các chứng nhận đăng ký thay đổi.
 - Địa chỉ trụ sở : 89 Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Tp. Hà Nội.
 - Đại diện theo ủy quyền: Ông/Bà *Dinh Văn Nhơ* Chức vụ: **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Sau đây gọi là Bên Ngân hàng
- **Bên Vay: Công ty TNHH Xây dựng – Thương mại – Dịch vụ Hà Thuận Hùng**
 - Địa chỉ trụ sở: 2W Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
 - Mã số doanh nghiệp: 0304907463 do Sở KH&ĐT Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 09/04/2007 và các lần thay đổi.
 - Đại diện : Ông/Bà *Hà Hữu Khương* Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**

Sau đây gọi là Bên vay
- **Bên nhận ủy thác cho vay: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu – Chi nhánh Hà Nội**
 - Mã số chi nhánh: 2700113651 – 012 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hà Nội cấp lần đầu ngày 25/05/2009, thay đổi lần thứ 11 ngày 29/04/2021.
 - Địa chỉ: Tầng 1, Tầng 2 và một phần diện tích tầng 5 số 180 Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.
 - Đại diện : Bà Đặng Thị Thu Hồng - Chức vụ: Phó Giám đốc làm đại diện, theo Văn bản ủy quyền số: 40/2022/UQ-TGD ngày 21/10/2022 của Tổng Giám đốc GPBank

Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu – Chi nhánh Hà Nội hoạt động theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Dầu Khí Toàn Cầu, Giấy ĐKDN số 2700113651 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tp. Hà Nội cấp đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 19 tháng 9 năm 2022 và các lần sửa đổi bổ sung sau (nếu có).

Địa chỉ trụ sở chính: Tòa nhà Capital Tower, số 109 Trần Hưng Đạo, phường Cửa Nam, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Sau đây gọi là Bên nhận ủy thác

Đã thỏa thuận và nhất trí ký kết Phụ lục hợp đồng này để sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số nội dung của Hợp đồng cho vay số 327/2022/HDCV-UT/CMB (sau đây gọi là “Hợp Đồng”) đã ký giữa các Bên ngày 21/10/2022 như sau:

Điều 1. Sửa đổi Khoản 1, Điều 1 của Hợp Đồng như sau:

Nội dung theo Hợp Đồng đã ký:

1. Số tiền cho vay: Tối đa 1,405,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Một nghìn bốn trăm linh năm tỷ Việt Nam đồng).

Sửa đổi thành:

1. Số tiền cho vay: Tối đa 500,000,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm tỷ đồng Việt Nam đồng).

Điều 2. Phụ lục hợp đồng này là một phần không tách rời của Hợp Đồng. Các nội dung của Hợp Đồng được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ theo Phụ lục hợp đồng này thực hiện theo nội dung tại Phụ lục hợp đồng này. Các nội dung khác không được đề cập trong Phụ lục hợp đồng này giữ nguyên như nội dung Hợp Đồng đã ký.

Điều 3. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. Bên vay và Bên nhận ủy thác xác nhận đã được Bên Ngân hàng cung cấp đầy đủ thông tin về nội dung Phụ lục hợp đồng này. Các Bên xác nhận việc ký Phụ lục hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không giả tạo, không bị ép buộc, lừa dối, đe dọa, nhầm lẫn. Từng Bên một đã đọc lại, hiểu rõ, thống nhất và cùng ký tên dưới đây.

Điều 4. Phụ lục hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên Ngân hàng giữ 02 bản, Bên Vay giữ 01 bản, Bên Nhận ủy thác giữ 01 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN VAY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Hà Hữu Khương

ĐẠI DIỆN BÊN NGÂN HÀNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Dinh Văn Nho

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN ỦY THÁC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC CN HÀ NỘI

Dặng Thị Thu Hồng